

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07- 9 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đỉnh
2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận
2. *Bị đơn:* Chị Thị C, sinh năm 1998
Địa chỉ: Ấp Tranh 3, xã Q, huyện C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 7 năm 2020. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Thị C chung sống với nhau vào năm 2016 đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều độc thân, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hòa hợp, anh T, chị C thường xuyên cãi nhau. Lúc đầu mới cưới nhau thì vợ chồng anh T, chị C sống tại Q, sau đó không hòa thuận với gia đình chị C nên anh chị chuyển về gia đình anh T tại xã N sinh sống. Được một thời

gian thì vợ chồng lại mâu thuẫn cãi vã nhau. Đỉnh điểm năm 2018 thì chị C tự ý đem con về nhà mẹ ruột tại Q sống luôn cho đến nay, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau và anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Hiện giờ anh T không còn tình cảm gì với chị C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 24/3/2016, hiện đang ở cùng chị C. Anh T yêu cầu giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Đối với việc chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi thì anh T cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

Tại bản tự khai ngày 11/8/2020 bị đơn chị Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị C thống nhất với anh T về điều kiện chung sống, điều kiện kết hôn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không lo làm ăn, ham chơi, lười biếng, vợ chồng xảy xích mích tình cảm nhau ngày càng lớn không thể hàn gắn được. Anh chị đã sống ly thân được 02 năm. Nay trước yêu cầu ly hôn của anh T thì chị C đồng ý.

Về nuôi con chung: Thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 24/3/2016, hiện con đang sống cùng chị C. Nay ly hôn chị C đồng ý nuôi con, chị C yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và bị đơn chị Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các 70, 71, 72 và Điều 234 của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy anh Nguyễn Văn T và chị Thị C chung sống với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống cả anh T và chị C đều xác định vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài và thống nhất ly hôn. Vì vậy căn cứ vào Căn cứ Điều 51,

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho anh T được ly hôn với chị C

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 24/3/2016 hiện đang sống cùng chị C. Anh T yêu cầu giao con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng và chị C cũng đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Do đó căn cứ các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nhi mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên cũng không đề cập.

Về án phí: Đề nghị HĐXX xem xét nghĩa vụ nộp án phí của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn chị Thị C hiện có nơi cư trú tại ấp Tranh 3, xã Q, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, bị đơn chị Thị Choi có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] anh Nguyễn Văn T và chị Thị C tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Quang Minh, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án cả anh T và chị C đều cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hòa hợp, anh T, chị C thường xuyên cãi vã nhau. Do không thể tiếp tục chung sống nên chị C đã về nhà tại Q, huyện C, tỉnh Bình Phước sống từ năm 2018 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa. Điều này phù hợp với chứng cứ là biên bản xác minh ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành. Hiện nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị C cũng đồng ý. Như

vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa anh T, chị C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị C.

[6] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh T, chị C có 01 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 24/3/2016. Nay ly hôn, anh T yêu cầu giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn chị C cũng thống nhất với ý kiến của anh T chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy đây sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên cần được chấp nhận

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị C yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi, nguyên đơn anh T cũng đồng ý mức cấp dưỡng nêu trên. Xét thấy đây cũng là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên cũng cần được chấp nhận

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Không xem xét giải quyết

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu là 300.000 đồng.

[9] Về án phí cấp dưỡng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Thị C

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 24/3/2016 cho chị Thị C trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 24/3/2016 mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi

4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết

5. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0004424 ngày 30/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Về án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã Q
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thị Ngọc Thanh